

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ
THÔNG NGÔ QUYỀN
TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC 2026-2027
Môn: NGŨ VĂN 10
Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. MA TRẬN ĐỀ

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức/Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc	Truyện	3 (30%)	3 (20%)	1 (10%)	60
		Thơ				
2	Viết	Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một đoạn trích / tác phẩm văn học (Truyện hoặc thơ)	1* (5%)	1* (15%)	1* (20%)	40
Tổng			35%	35%	30%	100
Tỉ lệ chung			70%		30%	100

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Phần đọc-hiểu

1.1. Đọc-hiểu các văn bản/ đoạn trích thuộc thể loại truyện (thần thoại, truyền truyền kì, truyện ngắn hiện đại)

Nhận biết:

- Nhận biết đề tài, không gian, thời gian, chi tiết tiêu biểu, đặc trưng trong tác phẩm truyện.
- Nhận biết được những đặc điểm của sự kiện, cốt truyện, người kể chuyện, nhân vật trong tác phẩm truyện.
- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa được thể hiện trong văn bản truyện.

Thông hiểu:

- Tóm tắt được cốt truyện và lí giải được ý nghĩa, tác dụng của cốt truyện.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, sự kiện, câu chuyện và lí giải được mối quan hệ giữa các yếu tố này trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Phân tích được những đặc điểm của nhân vật; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.
- Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; chỉ ra và phân tích được những căn cứ để xác định chủ đề của tác phẩm.

- Lí giải được tình cảm, thái độ của người kể chuyện với nhân vật trong tác phẩm;
- Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.
- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật.

Vận dụng:

- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.

1.2. Đọc-hiểu các văn bản/ đoạn trích thơ

Nhận biết:

- Nhận biết được thể thơ và các yếu tố trong thơ như: từ ngữ (từ Hán Việt), vần, nhịp, đối, các biện pháp nghệ thuật, nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ.
- Nhận biết được bố cục, những hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong bài thơ.
- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa được thể hiện trong bài thơ.
- Nhận biết được những biểu hiện trực tiếp của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.

Thông hiểu:

- Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.
- Phân tích được ý nghĩa, giá trị của hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong bài thơ
- Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.
- Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp của bài thơ.
- Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ bài thơ.

Vận dụng:

- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do bài thơ gợi ra.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.

2. Phần Viết

2.1. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một đoạn trích/ tác phẩm truyện (chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật)

Nhận biết:

- Giới thiệu thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả,... của truyện.
- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.

Thông hiểu:

- Trình bày được những nội dung khái quát của truyện.
- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của đoạn trích/ tác phẩm.
- Nhận xét các phương diện nghệ thuật nghệ thuật đặc sắc.
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.
- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Vận dụng:

- Nêu được những bài học rút ra từ đoạn trích/ tác phẩm.
- Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong đoạn trích/ tác phẩm).
- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết.
- Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.
- Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.

2.2. Viết văn bản nghị luận phân tích/ đánh giá một tác phẩm thơ**Nhận biết:**

- Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, loại hình nghệ thuật,... của tác phẩm.
- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.

Thông hiểu:

- Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học .
 - Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản; phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ.
 - Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.
- Phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Vận dụng:

- Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.
 - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm)
 - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết.
- Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.

III. ĐỀ MINH HỌA

Đề minh họa 01:

Phần 1. Đọc hiểu (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

HAI ĐỨA TRẺ ĐỢI ĐI

(Tóm lược: Tại khách sạn Cửu Long ba sao nhất thành phố ở trên đường, cạnh sông Sài Gòn chảy ngang qua giữa quang cảnh sầm uất những phố chính, nhân vật tôi thức dậy ba, bốn giờ sáng thì bắt gặp một chú bé lai Mỹ đang đứng im bên cửa sổ. Liên mấy hôm như thế, tác giả cũng thấy cậu bé đứng đó, dường như nó cũng chẳng để ý trông cái gì cả, môi nó trề ra và con mắt thờ ơ lạ lùng. Đó cậu bé tên Bi, 13 tuổi, cậu bé có ngoại hình lai Mỹ, cháu của bà già bán thuốc lá, tác giả đã gặp mấy năm trước khi có dịp ở trọ khách sạn. Má lấy chồng xa, Bi được bố để nó ở Mỹ, vốn là quân nhân Mỹ trong chiến tranh ở Việt Nam trước đây, gửi giấy bảo lãnh cho nó đi, nó được vô đây ở đợi đi. Ngoại đi cùng với Bi vào khách sạn nhưng sau đó không biết ngoại đi đâu)

Sớm sớm, tôi thấy Bi đứng to vo, ử ử trong cửa sổ. Có lúc chăm chú nhìn xuống đường có thể là xem thấy ngoại đi qua không.

Cái bàn của Bi được trải khăn trắng bông. Các chủ nhà bàn đến đặt thìa đĩa, bát đĩa, lọ tiêu, lọ muối, đủ như mọi bàn xung quanh của người lớn và của người nước ngoài. Lại thêm một đôi đĩa đồ đẹp. Bi ngồi một mình im lìm, không ngừng mặt.

Tôi vào qua cạnh bàn Bi, Bi đứng lên, chấp tay đến nghoẹo cả vai, lễ phép chào:

- Chú mời cơm

Rồi Bi lại ngồi xuống, lăm lè cầm đĩa và cơm.

Tối xẩm xẩm, vẫn thấy Bi đứng ngó cửa sổ. Hôm nào cũng trông, tưởng như đứa trẻ lơ lửng kia, đứng đưng không nhúc nhích chẳng khác những bức tượng trang trí người bắt cá, người kéo vó đặt dọc ngoài hành lang. Bỗng nghe nức lên một tiếng gọi “Ngoại ơi”. Ngoài kia, trời đã tối. Chỉ có ánh đèn thấp thoáng trên ngọn cây me.

Tôi rón rén đi qua. Không muốn để Bi biết có người ở đằng sau lưng.

Giữa mấy ngày ấy, tôi lại được chứng kiến cái cảnh một thằng Bi nữa đến khách sạn. Cái thằng Bi nữa ấy thật tên nó là Vô, không trùng tên với Bi, nhưng mà nổi nhà thì cũng náo lòng na ná như Bi. Không hiểu ai đã lấy tên cón cá vô đặt cho nó, mà ngoài Phan Rang làm gì có cá vô, lại cả họ, Nguyễn Văn Vô cần thận. Thằng Vô ở ngoài Phan Rang vào cùng với bà ngoại, một bà cụ bị lừa mất.

[...] Một cán bộ nói, như cắt nghĩa lại để bà cụ hiểu hơn:

- Cơ quan quốc tế xin cảm ơn cụ đã đưa cháu vào tận đây. Nhà nó có phúc lắm đó, thừa cụ. Đáng lẽ Mỹ đen không có tiêu chuẩn được đi. Nhưng vì cha nó là Mỹ đen sĩ quan cao cấp nên bảo lãnh cho nó được. Cháu Vô sẽ do chúng tôi chịu trách nhiệm, cho đến khi nào cháu lên máy bay. Bây giờ mời cụ về nghỉ.

Bà cụ hỏi:

- Thầy bảo về đâu? Tôi đợi nó về ăn Tết mà.

- Mời cụ trở về Phan Rang

- Tôi về Phan Rang...

Rồi một điều bất ngờ xảy ra, nhón nháo từ các cô bán bách hóa trong quầy hàng lưu niệm, ở quầy bưu điện, cả mấy cậu gác thang máy hốt hoảng xúm đến. Cụ ngã rụi xuống đất, như cây gỗ lẩn ra. Xe cấp cứu được gọi tới ngay. Thằng Vô vẫn ngồi ngờ ra chưa kịp hiểu. Lúc người ta khiêng bà và cả mọi thứ của bà nó bỏ vào xe cấp cứu rồi, thằng Vô đứng phất dậy hét toáng: Ngoại Ngoại. Rồi nhào bổ ra.

Nhưng mọi người đã nắm được Vô lại. Đến đêm, tiếng kêu khóc của nó càng to, tăng năm cũng nghe được. [...] Tôi hỏi chuyện mới biết được Vô ở Phan Rang nhưng nổi nhà cũng chẳng khác mấy bạn Bi ở Sài Gòn. Mẹ Vô đi lấy chồng từ lúc Vô còn bé lắm, xa mãi không biết, chỉ biết mỗi năm đến ngày giỗ ông ngoại má lại về một mình. [...]

Từ hôm hai đứa trẻ đợi đi được cùng ngồi ăn một bàn và khách sạn cũng xin với cơ quan quốc tế cho hai đứa được ở cùng buồng. [...] Không lúc nào chúng nó rời nhau. Những lúc hai đứa đứng trên cửa sổ nhìn ra ngoài sông, nét mặt Bi không đờ đẫn như mọi khi nữa. Bi chỉ tỏ cái ngẩn ngơ cho Vô biết những thứ dưới đường chỗ ngoại đã ngồi, cái góc cây me Bi thường cắm hương và dưới sông bên kia Thủ Thiêm, những tàu thuyền, những “tắc rắng” chạy xé nước mà chắc ngoài Phan Rang không có. Bi nói nếu Bi trông thấy ngoại thì cả Bi với Vô cùng chạy xuống, trốn đi với ngoại. Hai đứa cứ ngong ngóng.

Một hôm, quãng mười giờ sáng, có ô tô đậu ngoài cửa đưa Bi và Vô ra sân bay. Thứ năm, máy bay đi Pháp rồi đi Mỹ ở Băng Cốc sang. Thế là chuyến đi xa của hai đứa trẻ bắt đầu. Nhưng không ai nói trước cho chúng biết điều gì. Người ta chỉ sửa soạn các thứ cho chúng nó. Mỗi đứa đeo cái túi in chữ Hàng không Pháp xanh lơ, trong đựng bộ quần áo, một áo len cổ lọ xanh cánh trà, lại thêm ống thuốc và bàn chải răng – mà chúng nó chưa biết đánh răng bao giờ.

Hai đứa trẻ cũng chẳng hỏi đi đâu. Mấy lâu nay đã quen thế. Chỉ thấy được đưa ra khỏi khách sạn, vào ô tô, thì vừa lạ vừa như hay hay.

Ngồi trên xe, đột nhiên Vô hỏi chú lái:

- Chú cho cháu về Phan Rang ăn tết với ngoại? Hôm nay, hôm nay ạ?

Chú lái xe quay đầu lại, nụ cười lạnh lẽo và không trả lời. Bi ngồi im lơ đãng nhìn nhà và xe vùn vụt hai bên đường. Đến lúc xe vượt sang cầu Phú Nhuận, tự dưng Bi nhắm mắt lại.

Xế trưa, xe trở lại khách sạn. Tôi trông thấy chỉ có mình thằng Vô chạy lên buồng. Rồi lại nghe tiếng nó khóc văng lên: Ngoại! Ngoại ơi!

Hỏi ra mới biết hôm ấy không có máy bay Băng Cốc tới. Chuyến đi phải hoãn tuần sau. Ô tô chở hai đứa trẻ về đến chỗ có đường rẽ vào chợ Phú Nhuận, chẳng biết thằng Bi trông thấy ngoại hay chỉ là một người giống ngoại, nó la: Ngoại! Ngoại! Rồi xô cửa xe toang ra, nhảy đại xuống đường. Bi gãy cánh tay, phải đưa vào bệnh viện rồi.

Mấy hôm sau, tôi cũng rời khách sạn. Không biết rồi đến hôm nào hai đứa mới đi được.

(Trích Tô Hoài- truyện ngắn chọn lọc, Nxb Lao Động, 2011, tr.571 – 581)

* **Tô Hoài** là nhà văn lớn có nhiều đóng góp cho văn xuôi VN hiện đại. Ông có quan niệm văn chương đúng đắn, sâu sắc, tiên bộ: văn chương là cuộc đời, viết văn là quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Được mệnh danh là “Nhà văn của mọi lứa tuổi” - Tô Hoài đã để lại dấu ấn rực rỡ trên nhiều mảng sáng tác. Truyện *Hai đứa trẻ đợi đi* sáng tác năm 1989, là một tác phẩm viết về trẻ em, mang sự suy tư, chiêm nghiệm của Tô Hoài.

Câu 1: Xác định ngôi kể trong văn bản

Câu 2: Xác định các nhân vật chính trong văn bản

Câu 3: Khi Vô và Bi đứng trên cửa sổ nhìn ra ngoài sông, hai đứa đã ngong ngóng điều gì?

Câu 4: Nêu chủ đề của văn bản

Câu 5: Nhận xét về hoàn cảnh gia đình của Bi và Vô.

Câu 6: Nhận xét về nhân vật “tôi” qua chi tiết “*Tôi rón rén đi qua. Không muốn để Bi biết có người ở đằng sau lưng*”.

Câu 7: Hai đứa trẻ đang đợi đi Mỹ để đoàn tụ với bố. Theo em, đó có phải là chuyến đi đến với ước mơ, hạnh phúc? Lí giải vì sao?

Phần 2. Làm văn (4.0 điểm)

Viết một bài văn khoảng 500 chữ phân tích chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện ngắn *Hai đứa trẻ đợi đi* của Tô Hoài.

Đề minh họa 02:

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

Nắng thu

Nam Trân ⁽¹⁾

*Hai bài hát ngô nghê và êm ái
Bên sườn non, mục tử cười trâu về.
Nắng chiều rây vàng bột xuống dân quê,
Lúa chín đổ theo gió nồm sắp mái.*

*Trên suối nhỏ, chiếc cầu tre hẻo lánh
Tốp người qua, lấy bẫy vịn thanh ngang.
Lũ trẻ con sung sướng nổ cười vang
Đùa với bóng chảy theo dòng nước lạnh.*

*Dãy núi tím bồng thay màu xanh ngắt
Rồi ố lẩn trong giây khắc nhá nhem,
Âm thầm cảnh vật vào Đêm:
Vết ráng đỏ, tiếng còi xa cùng tắt.*

(Dẫn theo Hoài Thanh - Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Hội nhà văn, 2018, tr.175)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Tìm 01 từ Hán Việt được tác giả sử dụng trong bài thơ trên.

Câu 2. Chỉ ra 01 câu thơ có cách ngắt nhịp đặc biệt trong bài thơ trên.

Câu 3. Chỉ ra những hình ảnh không gian mùa thu được khắc họa trong bài thơ.

Câu 4. Nêu hiệu quả của các yếu tố âm thanh được nói đến trong bài thơ.

Câu 5. Qua bài thơ em hiểu gì về tình cảm của tác giả đối với thiên nhiên và con người nơi làng quê?

Câu 6. Trong nhịp sống của xã hội hiện đại, bức tranh làng quê trong bài thơ đem đến cho em suy nghĩ gì?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Em hãy viết một văn bản nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Nắng thu* (Nam Trân) được trích ở phần Đọc hiểu.

----- **Hết** -----

⁽¹⁾Nam Trân (1907-1967) tên thật là Nguyễn Học Sỹ, quê ở Quảng Nam. Ông là nhà thơ, nhà giáo và cũng là dịch giả xuất sắc. Nam Trân nổi bật trong phong trào thơ mới với lối thơ tả chân. Ông được mệnh danh là “thi sĩ xứ Huế”, “một tài hoa xứ Quảng”. Bài thơ “Nắng thu” được in trong tập thơ “Huế, Đẹp và Thơ” (1939).